

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 19-9-2024
v/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài
sản và đòi tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Trình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyên Khang là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2024/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Đòi tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S Có Ngay. Trụ sở: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Somyot N - Chức vụ chủ tịch hội đồng quản trị.

Người điện theo uỷ quyền: Ông Võ Hoài V - Chức vụ: Nhân viên khách hàng (Giấy uỷ quyền số 441/2024/UQ-PGDCC ngày 01/01/2024) (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1987. Nơi thường trú: Tổ C phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2024, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 18/9/2024 của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Công ty S1),

bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Võ Hoài V** trình bày:

Vào ngày 21/11/2022, bà **Nguyễn Thị P** có đến Chi nhánh của **Công ty TNHH S2** (nay là **Công ty cổ phần S**) để ký hợp Hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X giữa bà **Nguyễn Thị P** và **Công ty TNHH S2** kèm phụ lục. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead có BKS: 43G1-353.97 (Có giấy chứng nhận đăng ký xe số 008955 do **Công an thành phố Đ** cấp ngày 30/9/2022 cho bà **Nguyễn Thị P**), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/11/2023), số tiền cầm cố là 14.300.000 đồng, với mức lãi suất cố định là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì **Công ty S1** đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà **Nguyễn Thị P**. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên ngày 21/11/2022, giữa **Công ty S1** và bà **Nguyễn Thị P** ký kết giấy mượn xe, theo đó bà **Nguyễn Thị P** mượn lại xe để sử dụng, thời hạn mượn xe 30 ngày từ ngày 21/11/2022 đến 21/12/2022, trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 429.000 đồng, khi khách hàng thanh toán đúng hạn thì phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 286.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **Nguyễn Thị P** chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Công ty. Đến nay đã quá thời gian quy định, nhưng bà **Nguyễn Thị P** không trả nợ và cũng không trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead có BKS: 43G1-353.97 cho Công ty.

Do đó, **Công ty S1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với Công ty với tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/05/2024 là 20.544.000 đồng (Hai mươi triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 10.958.939,45 đồng, nợ lãi là: 616.461,61 đồng, phí quản lý hồ sơ: 280.209,84 đồng, phí mượn xe là 3.861.000 đồng và phí trễ hạn là 4.827.251 đồng. Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải tiếp tục thanh toán khoản lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/9/2024, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí quản lý hồ sơ 280.209,84 đồng và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết:

- Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải thanh toán cho **Công ty S1** với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 17.983.021 đồng, trong đó nợ gốc là 10.958.939,45 đồng, lãi trong hạn là: 616.461,61 đồng, lãi quá hạn là 2.546.619,98 đồng và phí mượn xe là 3.861.000 đồng.

- Buộc bà **Nguyễn Thị P** phải tiếp tục thanh toán khoản lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Khi bà **Nguyễn Thị P** thanh toán hết nợ cho **Công ty S1** thì Công ty sẽ trả lại cho bà **Nguyễn Thị P** bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 008955 do **Công an thành phố Đ** cấp ngày 30/9/2022.

Đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị P**: Mặc dù bà **Nguyễn Thị P** đã được Tòa án niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà **Nguyễn Thị P** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty S1**.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đình chỉ đối với số tiền phí quản lý hồ sơ: 280.209,84 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2024 và đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/6/2024 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 Bộ luật Dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú: **Tổ C phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Võ Hoài V** vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông **Võ Hoài V**. Bị đơn bà **Nguyễn Thị P** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị P.

[4] Nguyên đơn rút yêu cầu tính phí quản lý hồ sơ với số tiền 280.209,84 đồng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu phí quản lý hồ sơ của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với số tiền phí quản lý hồ sơ là 280.209,84 đồng.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Công ty S1 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2024 là 17.983.021 đồng, trong đó nợ gốc là 10.958.939,45 đồng, lãi trong hạn là: 616.461,61 đồng, lãi quá hạn là 2.546.619,98 đồng và phí mượn xe là 3.861.000 đồng, và phải tiếp tục thanh toán lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 20/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[5.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy mượn xe ngày 21/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị P và Công ty TNHH S2; Hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị P và Công ty TNHH S2 kèm phụ lục hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 21/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị P và Công ty TNHH S2, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 21/11/2022, giữa Công ty TNHH S2 (nay là Công ty S1) và bà P có ký kết Hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022 và kèm phụ lục, theo đó: Bà P giao tài sản cầm cố là xe mô tô có BKS: 43G1-353.97 cho Công ty S1 (Có giấy chứng nhận đăng ký xe số 008955 do Công an thành phố Đ cấp ngày 30/9/2022 cho bà Nguyễn Thị P), thời hạn cầm cố là 12 tháng từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/11/2023 và bà P nhận số tiền 14.300.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn) với số tiền 1.319.204,41 đồng vào ngày 21 hàng tháng từ tháng 12/2022 đến tháng 11/2023. Việc ký kết hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[5.2] Về số tiền nợ gốc 10.958.939,45 đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị P đã trả cho Công ty S1 số tiền nợ gốc là 3.341.061,55 đồng và đến ngày 21/3/2023 thì bà P không trả nữa. Bà Nguyễn Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà P về việc trả số tiền nợ gốc còn lại là 10.958.939,45 đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 4 của Hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022, quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[5.3] Xét số tiền lãi trong hạn là: 616.461,61 đồng, lãi quá hạn là 2.546.619,98 đồng: Tại Hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022 kèm

phụ lục quy định mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*” và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”. Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty S1 và bà Nguyễn Thị P tại hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty S1 yêu cầu tiền lãi suất trong hạn 616.461,61 đồng và lãi quá hạn kể từ ngày 21/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2024 với số tiền là 2.546.619,98 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét số tiền phí mượn xe là 3.861.000 đồng: Sau khi ký kết số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022, do bà P không có phương tiện để làm ăn nên đã ký kết hợp đồng mượn xe (Giấy mượn xe ngày 21/11/2022) để mượn xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Lead có BKS: 43G1-353.97 đã cầm cố với Công ty S1, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/12/2022 và phí mượn xe là 429.000 đồng/tháng. Sau khi mượn xe, bà P sử dụng xe từ đó cho đến nay mà không trả lại xe và trả phí mượn xe đầy đủ cho Công ty S1 như thỏa thuận các bên đã ký trong giấy mượn xe. HĐXX xét thấy: Việc các bên thỏa thuận cho nhau mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead có BKS: 43G1-353.97 khi đã cầm cố là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự. Bà P đã vi phạm cam kết trong giấy mượn xe ngày 21/11/2022, nên yêu cầu buộc bà P phải trả tiền phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe mô tô (tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày 21/11/2023) là 3.493.000 đồng cho Công ty S1 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với số tiền phí quản lý hồ sơ là 280.209,84 đồng, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 17.983.021 = 899.151$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu về phí quản lý hồ sơ nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 280, 309, 314, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền.

2. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ là 14.122.021 đồng (Mười bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn không trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 10.958.939,45 đồng, lãi trong hạn là: 616.461,61 đồng, lãi quá hạn là 2.546.619,98 đồng (tạm tính đến ngày 19/9/2024).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số D2M221101014NA17X ngày 21/11/2022.

Trường hợp bà Nguyễn Thị P trả hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị P bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 008955 do Công an thành phố Đ cấp ngày 30/9/2022.

3. Buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền phí mượn xe là 3.861.000 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị P trả số tiền phí quản lý hồ sơ là 280.209,84 đồng của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 899.151 đồng (T trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi một đồng).

- Công ty Cổ phần S Có Ngay được hoàn trả 513.600 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001629 ngày 07/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyền